

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 30/2020/DS-GĐT

Ngày: 10/6/2020

Về: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**FDVN LAW FIRM**

**Tài liệu nghiệp vụ**

**NHÂN DANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:**

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Trình - Thẩm phán.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân và ông Lê Phước Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Nhị Tứ - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1966; cư trú: thôn A 02, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn Q, sinh năm: 1972; cư trú: thôn A 01, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Văn X, sinh năm 1963;

- Ông Lê Văn K, sinh năm 1975;

Cùng cư trú: thôn A 01, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Bà Huỳnh Thị Lệ H, sinh năm 1969;

- Chị Lê Thị Mỹ H1, sinh năm 1992;

Cùng cư trú: thôn A 02, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

4. *Người làm chứng:*

- Bà Võ Thị M; cư trú: thôn A 02, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Ông Lê B và bà Tô Thị Ng; cư trú: Tổ 3, phường Ph, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Bà Võ Thị N; cư trú: Tổ 3, phường Ph, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Bà Võ Thị Ý;

- Bà Võ Thị B1;
  - Bà Nguyễn Thị T;
- Cùng cư trú: thôn A 01, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 03/4/2016 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày:* cha mẹ của ông là cụ Lê Đ1 (chết năm 2010) và cụ Võ Thị C1 (chết năm 2009) có 04 người con chung là Lê Văn X, Lê Văn Đ, Lê Văn Q, Lê Văn K. Ngoài ra, cha mẹ ông không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Quá trình chung sống, cha mẹ ông có tạo lập được khối tài sản chung là 1.906m<sup>2</sup> đất (trong đó có 400m<sup>2</sup> đất ở), thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 21, thôn A 1, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 989077 vào ngày 22/9/1999 đứng tên hộ cụ Lê Đ1 và trên đất có 01 căn nhà cấp IV. Năm 2009, cha mẹ ông đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn K 490m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, hiện còn lại 1.416m<sup>2</sup> đất. Căn nhà cấp IV trên đất hiện nay đã hư hỏng. Ngoài ra, cha mẹ ông còn tạo lập và để lại 2.145m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại Bàu Bàng, xã C, thị xã A. Sau khi cha mẹ ông chết thì ông Q quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản nêu trên. Do cha mẹ ông chết không để lại di chúc nên mặc dù các anh em đã họp bàn phân chia số tài sản trên nhưng ông Q không đồng ý. Ông đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C giải quyết nhưng không thành.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản do cha mẹ ông chết để lại nêu trên theo quy định của pháp luật, cụ thể chia 1.416m<sup>2</sup> (trong đó 400m<sup>2</sup> đất ở) thành 04 lô đất, mỗi người được hưởng 01 lô để ở và thờ cúng tổ tiên. Còn căn nhà cấp IV có diện tích 37,24m<sup>2</sup> (đã hư hỏng) và 2.145m<sup>2</sup> diện tích đất nông nghiệp (đất trồng lúa 02 vụ gần hết thời hạn canh tác), ông không yêu cầu chia mà đồng ý giao hết cho ông Q. Đối với cây cối, hoa màu trên đất do ông Q trồng nên ông Q hưởng, ông không yêu cầu chia.

*Tại bản tự khai ghi ngày 19/5/2016, ngày 19/12/201, bị đơn ông Lê Văn Q trình bày:* Ông thừa nhận nội dung ông Đ trình bày về hàng thừa kế và nguồn gốc di sản 1.416m<sup>2</sup> đất (trong đó có 400m<sup>2</sup> đất ở) thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 21, thôn A 01, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai là do cha mẹ ông chết để lại. Nhưng ông không đồng ý chia di sản theo yêu cầu của ông Đ. Ông Q cho rằng các anh em của ông khi lập gia đình đã được cha mẹ cho tiền bạc để làm nhà ở riêng, còn ông Q bị bệnh tật, chưa có gia đình nên ở chung với cha mẹ và bản thân ông là người chăm sóc cha mẹ khi ốm đau. Trước khi qua đời, cha mẹ ông có ý sẽ để lại toàn bộ tài sản trên cho ông ở và lo thờ cúng ông bà. Nhưng vì cha mẹ ông bị bệnh và qua đời đột ngột nên không lập được di chúc, do đó toàn bộ khối tài sản trên vẫn còn đứng tên cha mẹ ông.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lê Văn X trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Đ. Ông yêu cầu Tòa án giải

quyết phân chia tài sản do cha mẹ ông chết để lại là 1.416m<sup>2</sup> (trong đó 400m<sup>2</sup> đất ở) thành 04 lô đất theo quy định của pháp luật. Đối với căn nhà cấp IV có diện tích 37,24m<sup>2</sup> (đã hư hỏng) và 2.145m<sup>2</sup> diện tích đất nông nghiệp (đất trồng lúa 02 vụ gần hết thời hạn canh tác), Ông không yêu cầu chia mà đồng ý giao hết cho ông Q. Đối với cây cối hoa màu trên đất do ông Q trồng trị giá 12.065.000đ thì ông Q hưởng, Ông không yêu cầu chia.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K trình bày:* hiện Ông đã có gia đình và nhà riêng nên Ông không có ý kiến gì về việc khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu ông Đ, ông X không yêu cầu chia thừa kế thì phần đất do cha mẹ chết để lại ông đồng ý giao cho ông Q mà không tranh chấp hay có yêu cầu gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lệ H trình bày:* Bà là vợ ông Đ, có hộ khẩu cùng với cụ Đ1, cụ C1. Vợ chồng bà sống chung cùng với cha mẹ chồng được 03 năm thì tách khẩu, ra xây nhà ở riêng. Diện tích đất 1.416m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 21, thôn A 01, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai do cha mẹ chồng tạo lập, Bà không có đóng góp gì nên không có yêu cầu gì. Đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Đ, Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Mỹ H1 trình bày:* Chị là cháu nội, có hộ khẩu cùng với cụ Đ1, cụ C1 nhưng Chị còn nhỏ nên không có đóng góp gì vào khối tài sản của cụ Đ1, cụ C1 nên không có yêu cầu gì. Đồng thời, Chị đề nghị xin được vắng mặt và không tham gia tố tụng.

*Người làm chứng trình bày tại các Biên bản xác minh của Tòa án như sau:* ông Bản là chú ruột và bà Ng, bà B1, bà Ý, bà N là dì ruột của các ông Đ, X, Q, K. Nguồn gốc diện tích 1.416m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 21, thôn A 01, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai là do cụ Đ1, cụ C1 đi tản cư tạo lập để sinh sống từ trước năm 1975, sau năm 1975 hai cụ vẫn tiếp tục sinh sống, sử dụng ổn định trên đất nên được Nhà nước cấp để ở, sản xuất, không phải đất của dòng họ ông bà để lại. Theo các ông bà thì khi còn sống cụ Đ1, cụ C1 có nói tài sản trên sẽ giao cho ông Q, còn những người con khác đã có nhà cửa và ở riêng. Các ông bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông Đ.

*Người làm chứng bà Nguyễn Thị T trình bày tại Biên bản xác minh của Tòa án như sau:* chồng bà là cậu ruột của ông Đ, Xuân, Q, K. Bà không biết gì về việc cụ Đ1, cụ C1 có ý định để lại nhà đất cho ông Q, bà T cho rằng không nghe, không biết nên không có ý kiến gì.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai quyết định:

*Căn cứ khoản 5, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 325 của Bộ luật Tố*

tụng dân sự; các Điều 631, Điều 634, Điều 635, Điều 645, Điều 674, Điều 675, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 676, khoản 2 Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167, Điều 203 Luật đất đai năm 2014; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn ông Lê Văn Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn X.

Xác định phần di sản tranh chấp cần chia thừa kế là: Diện tích 1.416m<sup>2</sup> (Trong đó có 400m<sup>2</sup> đất ở) tại tờ bản đồ số 21, thửa đất số 106, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 989077 được UBND huyện A (nay là thị xã A cấp ngày 22 tháng 9 năm 1999, địa chỉ thửa đất tại Thôn A 1, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai trị giá là 61.488.000đ (Sáu mươi một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Xác định những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Đ1, cụ Võ Thị C1 gồm: Ông Lê Văn X, Lê Văn Đ, Lê Văn Q, Lê Văn K, mỗi người được hưởng 01 thửa đất bằng nhau (theo sơ đồ thẩm định giá tại chỗ ngày 26/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã A) có trị giá 15.372.000đ (Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Chia di sản thừa kế được chia bằng hiện vật như sau:

Giao cho ông Lê Văn X 01 thửa đất có diện tích 360,45m<sup>2</sup> (Có 100m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm), có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường bê tông có chiều dài 7,625m; Tây giáp (đất còn thừa và đất bà Tô Thị H) có chiều dài 6.1475m; Nam giáp lô đất chia cho ông Lê Văn Đ, có chiều dài 52,14m; Bắc giáp đất ông Đặng T, có chiều dài 52,85m.

Giao cho ông Lê Văn Đ 01 thửa đất có diện tích 356,17m<sup>2</sup> (Có 100m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm), có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường bê tông có chiều dài 7,625m; Tây giáp (đất còn thừa và đất bà Tô Thị H) có chiều dài 6,1475m; Nam giáp lô đất chia cho ông Lê Văn Q, có chiều dài 51,47m; Bắc giáp lô đất chia cho ông Lê Văn X, có chiều dài 52,14m.

Giao cho ông Lê Văn Q 01 thửa đất có diện tích 351,88m<sup>2</sup> (Có 100m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm), trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 37,24m<sup>2</sup>), có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường bê tông có chiều dài 7,625m; Tây giáp (đất còn thừa và đất bà Tô Thị H) có chiều dài 6.1475m; Nam giáp lô đất chia cho ông Lê Văn K có chiều dài 50,85m; Bắc giáp lô đất chia cho ông Lê Văn Đ có chiều dài 51,47m.

Giao cho ông Lê Văn K 01 thửa đất có diện tích 347,59m<sup>2</sup> (Có 100m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm), có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường bê tông có chiều dài 7,625m; Tây giáp (đất còn thừa và đất bà Tô Thị H) có chiều dài 6.1475m; Nam

giáp lô đất chia cho ông Lê Văn K, có chiều dài 50,25m; Bắc giáp lô đất chia cho ông Lê Văn Q, có chiều dài 50,85m.

Các đương sự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, sang tên theo quy định pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nguyên đơn ông Lê Văn Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn X về việc yêu cầu chia thừa kế 2.145m<sup>2</sup> đất ông nghiệp (trồng lúa 02 vụ, trị giá 24.195.600đ).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

- Ngày 09/11/2018, Chi cục thi hành án dân sự thị xã A có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Tại Quyết định số 07/KN-DS ngày 31/3/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07/KN-DS ngày 31/3/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Năm 1962, cụ Lê Đ1 và cụ Võ Thị C1 đến khai phá, lập nghiệp, sinh sống tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 21 tại thôn A 01, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống cụ Đ1, cụ C1 có 04 người con chung là ông Lê Văn Đ, Lê Văn X, Lê Văn Q, Lê Văn K. Ngày 22/9/1999, Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 989077 đứng tên hộ ông Lê Đ1 đối với 1906m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 21 tại thôn A 01, xã C, huyện A, tỉnh Gia Lai.

Năm 2009, hai cụ chuyển nhượng cho ông Lê Văn K 490m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Ngày 17/3/2009, Ủy ban nhân dân thị xã A đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn K, bà Lê Thị Ngọc O đối với diện tích 490m<sup>2</sup>, tại thửa đất 106, tờ bản đồ số 21, tại thôn A 01, xã C, huyện A, tỉnh Gia Lai. Diện tích đất còn lại thuộc quyền sử dụng của cụ Đ1, cụ C1 là 1.416m<sup>2</sup>.

Năm 2009, cụ C1 chết và đến năm 2010, cụ Đ1 chết; trước khi chết hai cụ chưa phân chia tài sản chung cho các con và không để lại di chúc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất 106, tờ bản đồ số 21, tại thôn A 01, xã C, huyện A, tỉnh Gia Lai có diện

tích đất 1.416m<sup>2</sup> là tài sản của cụ Đ1, cụ C1 chết để lại chưa chia là có cơ sở và phân chia di sản cho 04 người con chung của cụ Đ1, cụ C1 là phù hợp.

[2] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết công sức đóng góp của ông Q khi phân chia di sản là không thỏa đáng. Bởi lẽ, ông Q thuộc diện được hưởng một phần di sản thừa kế và có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế, Ông không đồng ý việc chia thừa kế vì cho rằng các anh em của Ông đã được cha mẹ cho tiền bạc để làm nhà ở riêng, còn Ông ở chung với cha mẹ, trước khi qua đời cha mẹ ông có ý để lại toàn bộ tài sản trên cho Ông; như vậy, cho dù ông Q không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp nhưng khi Tòa án quyết định việc chia di sản cho các thừa kế thì phải xem xét đến công sức đóng góp của ông Q do yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức; việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ, xem xét công sức đóng góp của ông Q là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông.

[3] Mặt khác, tại kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 26/12/2016 thì trên diện tích đất 1.416m<sup>2</sup> có 01 ngôi nhà cấp IV (gồm 02 gian, nhà g1 có diện tích 37,24m<sup>2</sup> và nhà g2 có diện tích 24,46m<sup>2</sup>, hiện đã hư hỏng xuống cấp không còn giá trị sử dụng) do ông Q quản lý, sử dụng và 16 loại cây cũng do ông Q trồng. Nhà g2 theo sơ đồ hiện trạng nhà đất thì có một phần nhỏ nhà nằm trên thửa đất chia cho ông Q và một phần lớn nhà trên thửa đất chia cho ông Đ. Theo kết quả định giá tài sản thì nhà g2 không còn giá trị nên không cần định giá, nhưng theo kết quả xác minh thi hành án ngày 08/01/2018 thì trên thực tế ông Q vẫn dùng nhà g2 làm nhà bếp để nấu ăn và phơi đồ. Đúng ra, để giải quyết triệt để vụ án, nếu nhà g2 không còn giá trị sử dụng thì Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên buộc ông Q tháo dỡ để giao lại đất trống cho ông Đ; ngược lại, nếu vẫn còn sử dụng được thì buộc ông Đ phải bồi trả lại giá trị tương đương cho ông Q mới phù hợp; đồng thời, đối với 16 loại cây do ông Q trồng trên đất (cây nghệ được trồng trên diện tích đất 300m<sup>2</sup>, 60 cây mai vàng, 46 cây dâu ta, 1-3 cây chuối, 01 cây vú sữa, 02 cây dứa, 01 cây me, 02 cây chanh, 15 cây thanh long, 02 cây mít, 03 cây xoài, 02 cây hương, 01 cây mận và 01 cây sanh) có tổng trị giá thành tiền là 12.064.600 đồng, lẽ ra khi phân chia đất nếu cây cối nằm trên đất của ai thì Tòa án cũng phải buộc người đó bồi trả giá trị tài sản này cho ông Q; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại không tuyên việc xử lý như thế nào đối với các tài sản trên đất, dẫn đến việc thi hành án gặp trở ngại, khó khăn.

[4] Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07/KN-DS ngày 31/3/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật. Khi xét xử sơ

thẩm lại, Tòa án phải giải quyết hậu quả của việc thi hành án và các vấn đề khác có liên quan (nếu có) theo quy định tại khoản 4 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343, Điều 345, Điều 349 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai về vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” giữa nguyên đơn là Ông Lê Văn Đ với bị đơn là ông Lê Văn Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND thị xã A, tỉnh Gia Lai (02 bản kèm hồ sơ vụ án);
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS thị xã A, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Văn Trình**